

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày 16/5/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đinh Thị Tin

Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Hưng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2017/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương; đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Th trình bày: Chị Th và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/9/2006 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới, vợ chồng chị sống chung tại nhà bố mẹ đẻ anh T ở thôn A, xã H, huyện K. Chị và anh T sống hòa thuận khoảng hơn 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chủ yếu do anh T có biểu hiện quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Mặc dù chị và gia đình khuyên bảo nhiều nhưng anh T không chịu thay đổi. Từ đó, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã và xúc phạm nhau, không khí gia đình căng thẳng. Chị Th đã nhiều lần có ý định về nhà mẹ đẻ sinh sống nhưng vì thương các con nên chị ở lại sống với anh T. Do anh T không thay đổi cách sống nên từ tháng 6/2016 đến nay, vợ chồng ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Chị Th xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên khởi kiện xin ly hôn. Về con chung: Chị Th và anh T có hai con chung là Hoàng Trung K, sinh ngày 15/8/2008 và Hoàng Ngọc H, sinh ngày 24/7/2015. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Hoàng Văn T đến làm việc, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không chấp hành, không đến Tòa án làm việc không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Th ly hôn anh T; về quan hệ con chung: Xử giao cả hai con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Chị Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Hoàng Thị Th khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với anh Hoàng Văn T có nơi cư trú tại huyện K, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T đăng ký kết hôn ngày 24/9/2005 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện, đủ

điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau thời gian dài sống chung hòa thuận, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh chị có khác biệt lớn về quan điểm sống. Anh T chưa thực sự có trách nhiệm với gia đình, vợ con, có biểu hiện mãi chơi, quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Anh chị đã nhiều lần cãi vã và xúc phạm nhau làm cho không khí gia đình căng thẳng. Từ tháng 6/2015 đến nay, anh chị đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Việc anh T không chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án không nhằm mục đích níu kéo quan hệ hôn nhân mà chỉ nhằm gây khó khăn cho chị Th. Xét mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Th là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ con chung: Chị Th và anh T có hai con chung là Hoàng Trung K, sinh ngày 15/8/2008 và Hoàng Ngọc H, sinh ngày 24/7/2015. Cháu Hà chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu Hải trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ. Theo chị Th xác định, hiện chị làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Do vậy, yêu cầu của chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với điều kiện thực tế của chị, nguyện vọng của con trên 07 tuổi và đảm bảo quyền lợi của các con chung theo Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Th, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Th ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là Hoàng Trung K, sinh ngày 15/8/2008 và Hoàng Ngọc H, sinh ngày 24/7/2015 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị Th phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0001388 ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, chị Th đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu